

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2021/HS-ST

Ngày: 16/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Được.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Diễn;

2. Ông Phạm Doãn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hà Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 72/2021/TLST-HS, ngày 01/02/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-HS ngày 23/02/2021, đối với:

Bị cáo: Trần M, sinh năm 1966, tại Hà Bắc. Tên gọi khác: Hoàng Văn C. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp 4, xã TS, huyện Q, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: Tổ 10, khu phố C, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Hoa. Tôn giáo: Phật. Trình độ học vấn: 02/10. Nghề nghiệp: Không. Chức vụ (đoàn thể, đảng phái): Không. Con ông Trần P (không rõ năm sinh, đã chết) và bà Chè M (không rõ năm sinh, đã chết). Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Lê C, sinh năm 1966, có 02 con, lớn sinh năm 1990 và nhỏ sinh năm 1991; sống chung như vợ chồng với chị Trần Thị V, sinh năm 1965, không có con.

Tiền án: Ngày 29/3/1995, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 05 (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản công dân”; buộc bị cáo phải liên đới bồi thường cho bà Phạm Thị L số tiền 1.830.000 đồng, trong đó phần bồi thường của bị cáo M là 915.000 đồng; tuyên bị cáo phải chịu 50.000 đồng án phí HSST. Bị cáo kháng cáo xin được giảm án. Ngày 22/7/1995, Tòa phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, bác đơn kháng cáo của bị cáo Mạnh, xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản công dân”, buộc bị cáo phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, theo bản án số 910/HSPT. Trần M chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/11/1998, chưa chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm, án phí hình sự phúc thẩm, chưa bồi thường thiệt hại.

Tiền sự: không.

Bị tạm giam từ ngày 17/8/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

Bị hại: Chị Trần Thị V, sinh năm 1965.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp 8, xã TS, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Tổ 10, khu phố C, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần M sống chung như vợ chồng với chị Trần Thị V, sinh năm 1965, HKTT: ấp 8, xã TS, huyện Q, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 19 giờ ngày 16/8/2020, tại phòng trọ số 8, thuộc tổ 10, khu phố 9, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa (do Mạnh và chị V thuê), chị V thấy Mạnh ngồi liên tục nhiều giờ trong phòng một mình uống rượu, nên chị V có lời nói can ngăn không cho M uống rượu, dẫn đến giữa M và chị V xảy ra cãi vã, chửi nhau. Khi chị V đang ngồi trên ghế phía trước cửa phòng trọ cãi nhau với M thì M lấy một con dao (loại dao Thái Lan) dài khoảng 20cm đến gần dùng dao đâm một nhát vào người của chị V, lưỡi dao bị gãy cắm vào vùng ngực bên phải của chị V gây thương tích. Sau đó, M rút lưỡi dao ra và cùng người dân xung quanh nhà trọ đưa chị V đến Bệnh viện đa khoa Thống Nhất cấp cứu. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, M đến Công an phường Tân Biên đầu thú.

Vật chứng trong vụ án, gồm: 01 lưỡi dao (loại dao Thái Lan) dài khoảng 15cm bị gãy phần cán dao; 01 cán dao màu vàng dài khoảng 05 cm.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0706/TgT/2020 ngày 20/8/2020 của Trung tâm pháp y -Sở Y tế Đồng Nai kết luận về thương tích của chị Trần Thị V như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương ngực phải gây tổn thương màng phổi phải đã phẫu thuật hiện còn tràn dịch, máu màng phổi phải (Áp dụng Chương 3, mục III.2). Tỷ lệ 16%.

- Vết thương ngực phải gây tổn thương nhu mô phổi phải (rách nhu mô phổi) đã được phẫu thuật khâu nhu mô phổi (Áp dụng Chương 3, mục IV.1). Tỷ lệ 10%.

- Vết thương trên nền vết mổ ngực bên phải kích thước 10x0,2cm (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ 02%.

- Vết mổ dẫn lưu khoang liên sườn 5 đường rạch giữa phải (Áp dụng Chương 8, mục I.1). Tỷ lệ 01%.

2. Kết luận:

Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Trần Thị V-1965 áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là: **27%** (Hai mươi bảy phần trăm).

3. Kết luận khác: Vật gây thương tích: Vật sắc nhọn.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Trần Thị V không yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số 103/CT-VKSBH, ngày 27/01/2021, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Trần M về tội: “Cố ý gây thương tích”, theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, nêu tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần M phạm tội “Cố ý gây thương tích”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo:

Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 19 giờ ngày 16/8/2020, tại phòng trọ số 8, thuộc tổ 10, khu phố 9, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, do có mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình với chị Trần Thị V dẫn đến Mạnh và chị V cãi vã, chửi nhau. Trần M có hành vi dùng 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20cm đâm một nhát trúng vào vùng ngực bên phải của chị Trần Thị V gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 27% (hai mươi bảy phần trăm).

Hành vi của bị cáo thực hiện đã cố ý xâm phạm thân thể, gây hại đến sức khỏe người khác được pháp luật bảo vệ, đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”, với tình tiết định khung hình phạt “sử dụng hung khí nguy hiểm” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trình độ học vấn thấp, sau khi phạm tội bị cáo đã đưa bị hại đi cấp cứu và ra đầu thú là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 29/3/1995, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 05 (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản công dân”; buộc bị cáo phải liên đới bồi thường cho bà Phạm Thị L số tiền 1.830.000 đồng, trong đó phần bồi thường của bị cáo M là 915.000 đồng; tuyên bị cáo phải chịu 50.000 đồng án phí HSST. Bị cáo kháng cáo xin được giảm án. Ngày 22/7/1995, Tòa phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, bác đơn kháng cáo của bị cáo M, xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản công dân”, buộc bị cáo phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, theo bản án số 910/HSPT. Trần M chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/11/1998, chưa chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm, án phí hình sự phúc thẩm, chưa bồi thường thiệt hại. Hành vi phạm tội của bị cáo lần này phạm vào tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

[4] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Tịch thu tiêu hủy 01 lưỡi dao (loại dao Thái Lan) dài khoảng 15cm bị gãy phần cán dao và 01 cán dao màu vàng dài khoảng 05 cm là hung khí bị cáo sử dụng gây thương tích cho bị hại.

(Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại là Chị Trần Thị V không yêu cầu bồi thường, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần M phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Trần M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2020.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 lưỡi dao (loại dao Thái Lan) dài khoảng 15cm bị gãy phần cán dao và 01 cán dao màu vàng dài khoảng 05 cm là hung khí bị cáo sử dụng gây thương tích đối với bị hại.

(Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần M phải nộp số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an TP Biên Hòa;
- Chi cục THA DS TP Biên Hòa;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Được